

**NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo văn bản số ngày của Công ty TNHH Trường
Xuân HN)*

❖ Thông tin chung về dự án:

- Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ lộ thiên khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Than, xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (điều chỉnh).

- Tên chủ đầu tư dự án: Công ty TNHH Trường Xuân HN.

- Địa chỉ trụ sở chính: Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện: Bà Tạ Thị Lan

- Chức vụ: Giám đốc.

I. Vị trí thực hiện dự án đầu tư

Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ lộ thiên khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Than, xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (điều chỉnh) có biên giới khai trường trên mặt mỏ theo ranh giới đã được UBND tỉnh Hà Nam cấp phép khai thác, được giới hạn bởi 4 điểm góc 1, 2, 3, 4 có diện tích 8,4ha, có tọa độ theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰00, múi chiếu 3⁰.

Bảng tọa độ các điểm ranh giới mỏ

STT	Tên điểm	X (m)	Y (m)
1	1	2279516,30	584691,81
2	2	2279684,77	584893,59
3	3	2279528,26	584161,62
4	4	2279323,87	584780,21

Nguồn: Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ lộ thiên khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Than, xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (điều chỉnh).

- Khu vực mỏ có biên giới giáp ranh như sau:

+ Phía Nam giáp bãi chế biến của công ty;

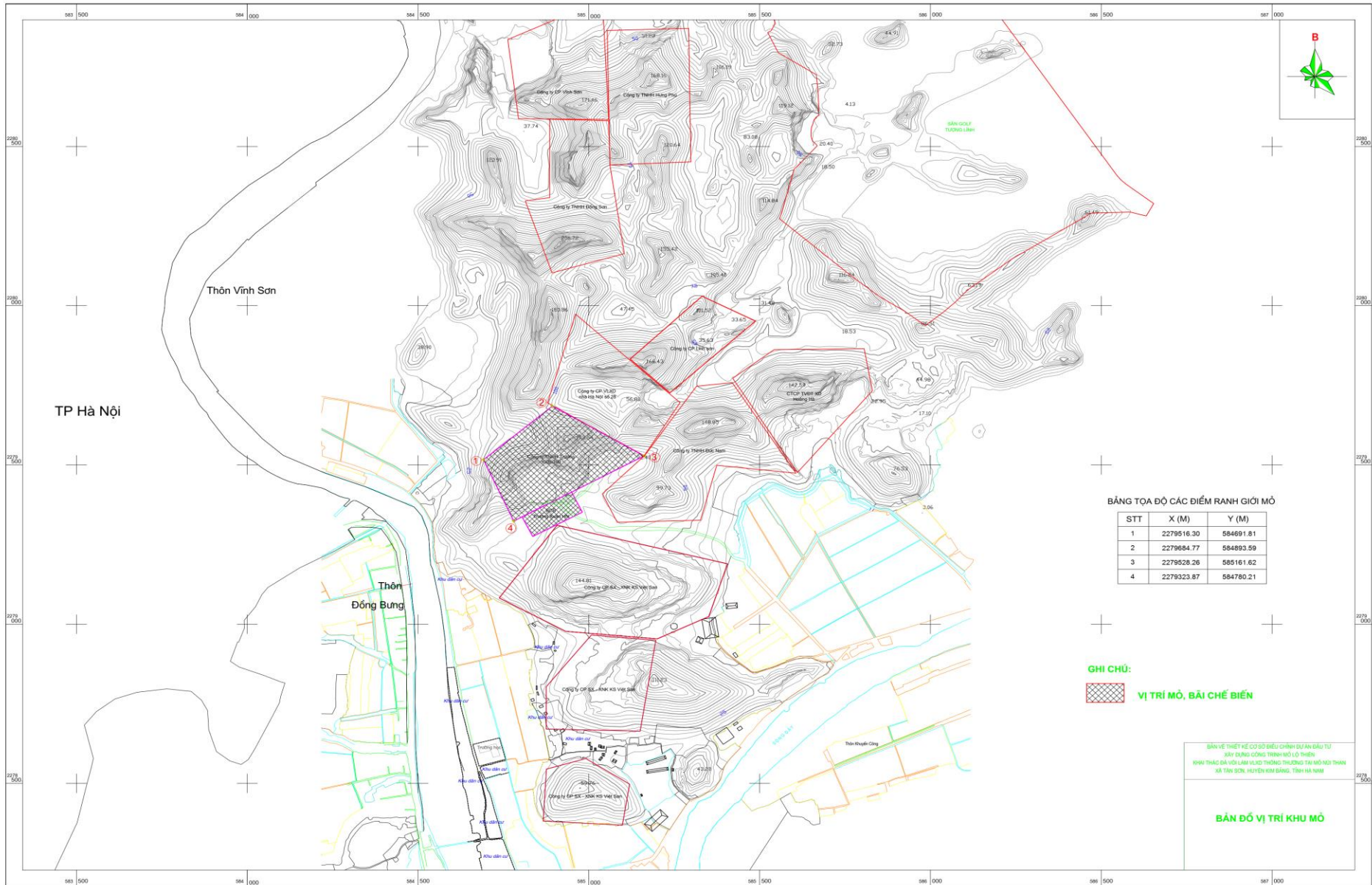
+ Phía Bắc giáp núi đá;

+ Phía Tây giáp núi đá;

+ Phía Đông và Đông Nam giáp núi đá công ty CP VLXD nhà Hà Nội số 28 và

Công ty TNHH Đức Nam.

Sơ đồ vị trí dự án như sau:



BẢNG TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM RANH GIỚI MÔ

STT	X (M)	Y (M)
1	2279516.30	584691.81
2	2279684.77	584893.59
3	2279528.26	585161.62
4	2279323.87	584780.21

GHI CHÚ:
 **VỊ TRÍ MÔ, BÀI CHẾ BIẾN**

BẢN VẼ THIẾT KẾ DỰ ÁN SỬ DỤNG QUY ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ
 VÀY DỰNG CÔNG TRÌNH SỐ LỘ THIÊN
 KHU THÁC GÁ VƯỜN LÂM VƯỜN THƯỜNG THƯỜNG TÀI MÔ KINH THAM
 XÃ TÂN SƠN, HUYỆN KIM BANG, TỈNH HÀ NAM

BẢN ĐỒ VỊ TRÍ KHU MÔ

II. Tác động môi trường của dự án đầu tư

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

a. Tác động đến môi trường không khí

Do đặc thù của dự án là khai thác và nghiền sàng đá vôi nên các tác động đến môi trường không khí trong quá trình thực hiện dự án chủ yếu là từ quá trình khoan lỗ, nổ mìn, xúc bốc, nghiền sàng và vận chuyển đá vôi.

b. Tác động đến môi trường nước, đất

Quá trình sinh hoạt của công nhân xây dựng cơ bản, giai đoạn hoạt động làm phát sinh một lượng không lớn nước thải sinh hoạt. Tuy nhiên, nếu lượng nước thải này không được thu gom xử lý sẽ là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường đất, không khí và nguồn nước tiếp nhận (môi trường nước dưới đất khu vực dự án).

Các loại chất thải khác từ quá trình xây dựng dự án cũng như khi dự án đi vào hoạt động như chất thải rắn, chất thải nguy hại nếu không được thu gom sẽ là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường đất, nước khu vực dự án và lân cận.

c. Tác động đến môi trường sinh thái và sức khỏe người dân

Quá trình xây dựng dự án cũng như khi dự án đi vào hoạt động sẽ phát sinh các loại chất thải như nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

Các loại chất thải này nếu không được thu gom và xử lý triệt để sẽ là nguồn gây ô nhiễm đất, nước, không khí, là nơi phát sinh các mầm bệnh, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người dân khu vực dự án và lân cận.

Khi dự án đi vào hoạt động, trong mặt bằng thực hiện dự án sẽ bố trí diện tích cây xanh phù hợp, giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường tiến hành phủ xanh khu vực khai thác, chế biến và vùng bị ảnh hưởng bởi quá trình hoạt động của dự án nên cảnh quan khu vực thực hiện dự án và lân cận sẽ được cải thiện đáng kể.

2.2. Quy mô, tính chất của các loại chất thải phát sinh từ dự án

a. Quy mô, tính chất của nước thải và vùng có thể bị tác động do nước thải

- Giai đoạn xây dựng cơ bản: Khối lượng phát sinh khoảng 2 m³/ngày.
- Giai đoạn dự án đi vào hoạt động: Khối lượng phát sinh khoảng 3,2 m³/ngày.
- Tính chất: Là loại nước chứa đựng rất nhiều thành phần gây ô nhiễm: cặn bản, dầu mỡ, các chất hữu cơ khó phân huỷ sinh học, các loại vi sinh vật gây bệnh. Thành phần cần xử lý trong nước thải sinh hoạt là thành phần hữu cơ, cặn lơ lửng và vi sinh vật.
- Vùng có thể bị tác động: môi trường nước dưới đất tiếp nhận nước thải trong khu vực dự án và lân cận.

b. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải và vùng có thể bị tác động do bụi, khí thải

- Trong giai đoạn XD/CB: Bụi và khí thải phát sinh từ các hoạt động:
 - + Các hoạt động san gạt, xúc bốc và vận chuyển.

+ Hoạt động khoan nổ mìn mở mỏ, thi công tuyến đường di chuyển thiết bị, san gạt bãi xúc, tạo diện khai thác ban đầu.

+ Nghiền tận thu lượng đất đá trong quá trình xây dựng cơ bản.

+ Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình bãi chế biến.

+ Quá trình đốt cháy nhiên liệu của các động cơ

- Trong giai đoạn hoạt động khai thác: Bụi và khí thải phát sinh từ các hoạt động:

+ Khoan, nổ mìn khai thác

+ Các hoạt động bốc xúc và vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm, nghiền sàng...

+ Quá trình đốt cháy nhiên liệu của các động cơ

Các loại bụi phát sinh từ hoạt động của dự án chủ yếu là bụi (nặng, lơ, khó phát tán đi xa). Bụi và khí thải do đốt cháy nhiên liệu (bụi muội, CO, NOx) là loại phát tán trong không gian và thời gian rộng, không liên tục.

Đối tượng chịu tác động chính là công nhân dự án và người dân khu vực. Ngoài ra còn có người dân và cây cối 2 bên tuyến đường vận chuyển.

c. Quy mô, tính chất của chất thải rắn

- Giai đoạn xây dựng cơ bản:

+ Trong quá trình xây dựng cơ bản, thi công san gạt mặt bằng, xây dựng tuyến hào di chuyển thiết bị và đường vận tải ô tô, bạt sườn núi, toàn bộ lượng đất đá phát sinh sẽ được tận thu để đưa về bãi chế biến để san lấp một phần, một phần nghiền tận thu.

+ Bao bì đựng thuốc nổ: khoảng 30,5 kg/thời gian xây dựng cơ bản.

- Giai đoạn khi dự án đi vào hoạt động:

+ Bao bì đựng thuốc nổ: khoảng 321 kg/năm

- Tính chất: Thành phần chính gồm đất đá, vỏ bao bì đựng thuốc nổ (phần vỏ bao bì không dính thuốc nổ). Lượng rác thải rắn là chất trơ, cứng khó phân huỷ nên ít ảnh hưởng đến môi trường.

d. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Giai đoạn xây dựng cơ bản. Khối lượng khoảng 3.420kg/tổng thời gian thi công XD CB.

- Giai đoạn dự án đi vào hoạt động: Khối lượng khoảng 1.955 kg.

- Tính chất: Là loại chất thải chứa nhiều thành phần khó phân huỷ, nguy hại cho môi trường và sức khỏe con người.

2.3. Các tác động môi trường khác

- Tác động đến đời sống sinh hoạt của các hộ dân 2 bên đường vận chuyển.

- Tác động đến hệ sinh thái: thay thế hệ sinh thái núi đá vôi bằng hệ sinh thái nhân tạo do quá trình trồng cây, cải tạo phục hồi môi trường sau khai thác.

- Gia tăng sức ép lên hạ tầng giao thông khu vực.

III. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường

3.1. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

a. Hệ thống thu gom và xử lý nước thải

Giai đoạn xây dựng cơ bản

Nước thải sinh hoạt được xử lý tại bể tự hoại cải tiến và bể sinh học, nước thải sau xử lý đạt cột B QCVN 14:2008/BTNMT.

Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

Nước thải sinh hoạt tiếp tục được xử lý tại bể tự hoại cải tiến và bể sinh học đã xây dựng từ trước, nước thải sau xử lý đạt cột B QCVN 14:2008/BTNMT.

b. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn

❖ Giai đoạn xây dựng cơ bản

*** Thu gom, tái sử dụng đất thải**

Lượng đất thải từ quá trình đào đắp, thi công mở mỏ được tận dụng triệt để cho công tác san nền bãi chế biến và phụ trợ và đưa về bãi chế biến để nghiền tận thu.

*** Thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân tham gia xây dựng dự án**

Các loại chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng trên công trường được thu gom chứa vào các thùng chứa rác bằng nhựa cứng loại 150 lít đặt trên công trường, trước khi được công ty đơn vị chức năng đến thu gom và mang đi xử lý.

❖ Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

*** Đối với Chất thải rắn sinh hoạt**

Công ty trang bị các thùng rác loại 150 lít có nắp đậy tại các khu vực nhà văn phòng và nhà bán hàng để thu gom chất thải sinh hoạt phát sinh.

Công ty hợp đồng với có đầy đủ chức năng để thu gom và xử lý lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

Lượng chất thải sinh hoạt sẽ được thu gom định kỳ, không tồn lưu lâu tại khu vực. Tần suất thu gom là 2 ngày/lần.

c. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại

❖ Giai đoạn xây dựng cơ bản

Chất thải nguy hại từ quá trình thi công xây dựng bao gồm dầu mỡ thải, vỏ hộp sơn, cặn sơn, bóng đèn neon hỏng, vỏ can, thùng dính dầu mỡ, giẻ lau nhiễm dầu mỡ sẽ được phân loại, thu gom vào các thùng chứa chuyên dụng, thể tích 120lit có nắp đậy (số lượng thùng chứa CTNH là 9 thùng), sau đó chứa vào kho CTNH đã xây dựng, diện tích 17m². Chất thải nguy hại này sẽ được chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có tư cách pháp nhân đưa đi xử lý. Chất thải nguy hại được quản lý và xử lý theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT.

❖ *Giai đoạn dự án đi vào hoạt động*

Được thu gom vào các thùng chứa riêng, có dán nhãn đặt trong kho chứa CTNH.

Đơn vị quản lý dự án sẽ xác định danh mục chất thải nguy hại, lập thủ tục hồ sơ, đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo đúng Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT.

Khu vực lưu giữ CTNH có diện tích khoảng 17m². Tường của kho xây bằng gạch bê tông, trát xi măng cát trong và ngoài. Mái của kho đổ BTCT, nền bê tông láng xi măng chống thấm.

- Xung quanh nền được bố trí rãnh thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng. Chất thải nguy hại dạng lỏng có thể rò rỉ được thu lại một hồ hình trụ. Bên ngoài cửa dán biển cảnh báo “kho chứa Chất thải nguy hại”. Các thùng chứa các loại CTNH được dán mã các loại CTNH tương ứng.

- Trong kho được chia thành các ô để chứa các loại CTNH bằng các vách ngăn.

- Tại các ô chứa này có các gờ chắn để ngăn lượng chất thải nguy hại dạng lỏng có thể chảy tràn ra ngoài.

Định kỳ 06 tháng đến 01 năm thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý.

d. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

❖ *Giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn xây dựng*

- Không hoạt động vào các giờ cao điểm về mật độ giao thông.

- Ô tô chuyên chở nguyên vật liệu phải có bạt che phủ, không chở quá tải, không làm rơi vãi đất đá, nguyên vật liệu để hạn chế tối đa sự phát thải bụi ra môi trường.

- Không sử dụng máy móc thiết bị quá cũ trong thi công. Các thiết bị đều lắp ống giảm thanh.

- Quy định tốc độ xe ra vào công trình, vận hành máy móc đúng thông số kỹ thuật đã quy định.

- Sử dụng các loại xe được đăng kiểm theo quy định.

❖ *Giảm thiểu nguy cơ dịch bệnh và các vấn đề xã hội*

- Thường xuyên dọn vệ sinh môi trường, khơi thông cống rãnh khu vực.

- Tiến hành phối hợp với trung tâm y tế địa phương có biện pháp phòng chống các loại bệnh thường gặp như sốt rét, cảm sốt thông thường, tiêu chảy...

- Kết hợp với cơ quan y tế địa phương để có kế hoạch định kỳ khám sức khỏe đối với các cán bộ, công nhân trong công trường, phun các loại thuốc phòng dịch bệnh, lập tủ thuốc lưu động trên công trường.

- Kết hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý địa phương có liên quan thực hiện công tác quản lý công nhân nhập cư lưu trú tại địa bàn để triển khai thực hiện xây dựng dự án (thực hiện khai báo tạm vắng tạm trú với địa phương theo đúng quy định của pháp luật).

3.2. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

TT	Công trình bảo vệ môi trường
1	Thùng chứa rác sinh hoạt
2	Thùng chứa rác thải nguy hại
3	Kho lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại
4	Bể tự hoại và bể sinh học
5	Hệ thống thoát nước mưa
6	Hệ thống cây xanh
7	Hệ thống dập bụi trạm nghiền, khu văn phòng
8	Xe tưới đường
9	Các biện pháp khác

IV. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

4.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án

a. Nội dung và yêu cầu chương trình giám sát môi trường

- Giám sát chất thải: Giám sát khối lượng và chủng loại phát sinh và công tác quản lý, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

- Giám sát tác động: Giám sát chất lượng môi trường không khí khu vực thực hiện dự án và lân cận.

b. Tần suất và thông số giám sát

❖ Giai đoạn xây dựng cơ bản

- Các vấn đề cần giám sát:

+ Số lượng phát sinh (kg/tháng), chủng loại, thành phần chất thải phát sinh.

+ Cách thức thu gom, phân loại và lưu trữ chất thải.

+ Cách thức xử lý chất thải (thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý).

- Tần suất giám sát: Thường xuyên

- Hoạt động giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại đảm bảo theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

❖ Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

Chương trình giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Các vấn đề cần giám sát:

+ Số lượng phát sinh (kg/tháng), chủng loại, thành phần chất thải phát sinh.

+ Cách thức thu gom, phân loại và lưu trữ chất thải.

+ Cách thức xử lý chất thải (thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý).

- Tần suất giám sát: Thường xuyên

- Hoạt động giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại đảm bảo theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

4.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Giải pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống thu gom nước thải như sau:

- + Bổ sung chế phẩm vi sinh định kỳ 6 tháng/lần vào bể tự hoại.
- + Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống đảm bảo các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.
- + Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

V. Các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư

5.1. Tổng mức đầu tư dự án dự kiến

- Tổng mức đầu tư dự án dự kiến: **53.157.723.827** đồng. Trong đó nguồn vốn đã đầu tư là 46.829.175.625 đồng.

- Nguồn vốn đầu tư:

- + Vốn tự có của công ty là 50%.
- + Vốn vay ngân hàng là 50%

5.2. Tuổi thọ mỏ:

Tuổi thọ (thời gian tồn tại) của dự án bao gồm thời gian xây dựng cơ bản và thời gian khai thác trên cơ sở trữ lượng có thể khai thác và công suất theo thiết kế (theo Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2016 của bộ Công thương). Công suất khai thác mỏ: 750.000 m³ đá nguyên khối/năm.

Tuổi thọ mỏ được tính theo công thức:

$$T_1 + T_2 = 4,8 \text{ năm.} \qquad \text{Làm tròn: 5 năm}$$

Trong đó:

T₁: Thời gian xây dựng cơ bản là 02 tháng (0,2 năm).

T₂: Thời gian mỏ khai thác ổn định theo công suất thiết kế

$$T_2 = \frac{3.483.830 - 27.650}{750.000} = 4,6 \text{ năm}$$

* Trong đó:

- Trữ lượng khai thác còn lại: 3.483.830 m³
- Khối lượng xây dựng cơ bản (0,2 năm): 27.650 m³
- Công suất khai thác mỏ: 750.000 m³/năm